**Nhóm: 3**

**Thành viên:**

**1. Bùi Thị Ngọc Phương. Đơn vị: Trường THCS Nguyễn Khuyến**

**2. Trần Thị Minh Liên. Đơn vị: Trường THCS Nguyễn Khuyến**

**3. Trần Thị Hương. Đơn vị: Trường THCS Nguyễn Khuyến**

**4. Lê Công Hùng. Đơn vị: Trường THCS Lý Tự Trọng**

**5. Hoàng Đức Tâm Đơn vị: Trường THCS Lý Tự Trọng**

**BÀI THU HOẠCH TẬP HUẤN GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ XÂY DỰNG MA TRẬN, ĐẶC TẢ**

**MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6 – CUỐI KÌ II**

**CẤU TRÚC KHUNG ĐỀ KIỂM TRA GỒM 4 PHẦN**

**a) Khung ma trận**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết (TNKQ)** | **Thông hiểu****(TL)** | **Vận dụng****(TL)** | **Vận dụng cao****(TL)** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **Phân môn Lịch sử** |
| 1 | VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KỈ VII TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X | Các cuộc đấu tranh giành lại độc lập và bảo vệ bản sắc văn hoá của dân tộc | 4 TN (1,0) |  |  | 1 TL (1,0) |  |  |  |  |  |
| Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X |  |  |  |  |  | 1 TL (1,0) |  |  |  |
| Vương quốc Champa |  |  |  | 1 TL a (0,5) |  |  |  | 1 TL b (0,5) |  |
| Vương quốc Phù Nam | 4 TN (1,0) |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Tỉ lệ*** | ***20%*** | ***15%*** | ***10%*** | ***5%*** | ***50%*** |
| **Phân môn Địa lí** |
| **1** | **Chủ đề 1:**KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU | – Các tầng khí quyển. Thành phần không khí– Các khối khí. Khí áp và gió– Nhiệt độ và mưa. Thời tiết, khí hậu– Sự biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó. | 2 TN(0,5) |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| **2** | **Chủ đề 2:**NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT | – Các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển– Vòng tuần hoàn nước– Sông, hồ và việc sử dụng nước sông, hồ– Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển– Nước ngầm và băng hà | 2 TN(0,5) |  |  | 1TL(1,5) |  |  |  |  | **20%** |
| **3** | **Chủ đề 3:**ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT | – Lớp đất trên Trái Đất. Thành phần của đất– Các nhân tố hình thành đất– Một số nhóm đất điển hình ở các đới thiên nhiên trên Trái Đất– Sự sống trên hành tinh– Sự phân bố các đới thiên nhiên– Rừng nhiệt đới | 2 TN(0,5) |  |  |  |  | 1TL(1,0) |  |  | **15%** |
| **4** | **Chủ đề 4:**CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN | – Dân số thế giới– Sự phân bố dân cư thế giới– Con người và thiên nhiên– Bảo vệ tự nhiên, khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững | 2 TN(0,5) |  |  |  |  |  |  | 1 TL(0,5) | **10%** |
| ***Tỉ lệ*** | ***20%*** | ***15%*** | ***10%*** | ***5%*** | ***50%*** |
| **Tổng hợp chung** | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** | **100%** |

**b) Bản đặc tả**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| **Phân môn Lịch sử** |
| 1 | VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KỈ VII TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X | Các cuộc đấu tranh giành lại độc lập và bảo vệ bản sắc văn hoá của dân tộc | **Nhận biết**– Trình bày được những nét chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng,...):**Thông hiểu**– Nêu được kết quả và ý nghĩa các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân ta trong thời kì Bắc thuộc (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng,...).– Giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng,...):– Giới thiệu được những nét chính của cuộc đấu tranh về văn hoá và bảo vệ bản sắc văn hoá của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc**Vận dụng**– Lập được biểu đồ, sơ đồ về diễn biến chính, nguyên nhân, kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng,...). | 4 TN | 1 TL |  |  |
| Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X | **Nhận biết**– Trình bày được những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương**Thông hiểu**– Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 – Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng (938)**Vận dụng**- Nhận xét được những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền. |  |  | 1 TL |  |
| Vương quốc Champa | **Nhận biết**– Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Champa– Nêu được một số thành tựu văn hoá của Champa**Thông hiểu**– Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển của Champa.**Vận dụng cao**– Liên hệ được một số thành tựu văn hoá của Champa có ảnh hưởng đến hiện nay |  | 1 TL a |  | 1 TL b |
| Vương quốc Phù Nam | **Nhận biết**– Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam.– Nêu được một số thành tựu văn hoá của Phù Nam.**Thông hiểu**- Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Phù Nam. | 4 TN |  |  |  |
| Số câu/ loại câu |  | 8 câu TNKQ | 1 câu TL  | 1 câu TL | 1 câu TL |
| ***Tỉ lệ %*** |  | ***20*** | ***15*** | ***10*** | ***5*** |
| **Phân môn Địa lí** |
| 1 | KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU | – Các tầng khí quyển. Thành phần không khí– Các khối khí. Khí áp và gió– Nhiệt độ và mưa. Thời tiết, khí hậu– Sự biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó. | **Nhận biết**– Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và tầng bình lưu;– Kể được tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một số khối khí.– Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất.– Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ.– Mô tả được hiện tượng hình thành mây, mưa.**Thông hiểu**- Hiểu được vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic đối với tự nhiên và đời sống.– Trình bày được khái quát đặc điểm của một trong các đới khí hậu: ranh giới, nhiệt độ, lượng mưa, chế độ gió.– Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu.**Vận dụng**– Biết cách sử dụng nhiệt kế, ẩm kế, khí áp kế.**Vận dụng cao**– Phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa; xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới.– Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. | 2 TN |  |  |  |
| 2 | NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT | – Các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển– Vòng tuần hoàn nước– Sông, hồ và việc sử dụng nước sông, hồ– Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển– Nước ngầm và băng hà | **Nhận biết**– Kể được tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.– Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.– Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn.– Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới.– Trình bày được các hiện tượng sóng, thuỷ triều, dòng biển (khái niệm; nguyên nhân; hiện tượng thủy triều; phân bố các dòng biển nóng và lạnh trong đại dương thế giới)**Thông hiểu**- Trình bày được mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông.**Vận dụng**– Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ.– Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.– Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới. | 2 TN | 1TL |  |  |
| 3 | ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT | – Lớp đất trên Trái Đất. Thành phần của đất– Các nhân tố hình thành đất– Một số nhóm đất điển hình ở các đới thiên nhiên trên Trái Đất– Sự sống trên hành tinh– Sự phân bố các đới thiên nhiên– Rừng nhiệt đới | **Nhận biết**– Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất.– Xác định được trên bản đồ sự phân bố các đới thiên nhiên trên thế giới.– Kể được tên và xác định được trên bản đồ một số nhóm đất điển hình ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới.**Thông hiểu**– Trình bày được một số nhân tố hình thành đất.– Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới.**Vận dụng**– Nêu được ví dụ về sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và ở đại dương. **Vận dụng cao**– Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương. | 2 TN |  | 1TL |  |
| 4 | CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN | – Dân số thế giới– Sự phân bố dân cư thế giới– Con người và thiên nhiên– Bảo vệ tự nhiên, khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững | **Nhận biết**– Trình bày được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới.– Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới.– Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới.**Thông hiểu**– Giải thích được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới.**Vận dụng**– Nêu được các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người (tác động đến đời sống sinh hoạt của con người; tác động đến sản xuất).**Vận dụng cao**– Trình bày được những tác động chủ yếu của loài người lên thiên nhiên Trái Đất (tác động tích cực; tác động tiêu cực). – Nêu được ý nghĩa của việc bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững. Liên hệ thực tế địa phương. | 2 TN |  |  | 1 TL |
| Số câu/ loại câu |  | 8 câu TNKQ | 1 câu TL  | 1 câu TL | 1 câu  TL |
| ***Tỉ lệ %*** |  | ***20*** | ***15*** | ***10*** | ***5*** |
| **Tổng hợp chung** |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |

**c) Đề kiểm tra**

**ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ**

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ LỚP 6**

**Phân môn Lịch sử**

**A. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)**

Câu 1. **(0.25đ). Thứ tự nào sau đây đúng nhất về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân ta trong thời kì Bắc thuộc?**

A. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng

B. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Phùng Hưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan

C. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Phùng Hưng, Mai Thúc Loan, Bà Triệu, Lý Bí

D. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Phùng Hưng, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Bà Triệu

Câu 2.**(0.25đ).**. Mùa xuân năm 40 đã diễn ra sự kiện quan trọng nào trong lịch sử nước ta?

1. Hai Bà Trưng kháng chiến chống quân Nam Hán xâm lược
2. Hai Bà Trưng dựng cờ khởi nghĩa
3. Bà Triệu dựng cờ khởi nghĩa
4. Lý Bí dựng cờ khởi nghĩa

Câu 3. **(0.25đ).**  Sau khi giành được thắng lợi Hai Bà Trưng đóng đô ở đâu?

1. Luy Lâu
2. Cổ Loa
3. Mê Linh
4. Hát Môn

Câu 4. **(0.25đ). Năm 544 đánh dấu sự ra đời của nhà nước nào?**

1. Vạn Xuân
2. Văn Lang
3. Âu Lạc
4. Đại Cồ Việt

**Câu 5 (0.25đ). Trong các hoạt động kinh tế, người Phù Nam giỏi nhất nghề gì?**

A. Trồng lúa nước B. Buôn bán C. Thủ công nghiệp D. Nghề đi biển

**Câu 6 (0.25đ). Xã hội Phù Nam gồm có những tầng lớp nào?**

A. Tăng lữ, quý tộc, thương nhân, thợ thủ công, nông dân B. Tăng lữ, quý tộc, dân tự do, nô lệ

C. Tăng lữ, quý tộc, nô lệ , thợ thủ công D. Quý tộc, dân tự do, nô lệ

Câu 7 **(0.25đ). Quốc gia cổ được hình thành trên cơ sở văn hóa Óc Eo là.**

1. Chân Lạp
2. Phù Nam
3. Văn Lang
4. Chăm Pa

Câu 8 **(0.25đ). Vương quốc Phù Nam hình thành trên cơ sở của nwf văn hóa nào?**

1. Óc Eo
2. Sa Huỳnh
3. Đông Sơn
4. Hò Bình

**B. TỰ LUẬN (3 điểm)**

Câu 1. *(1,0đ)* Những nguyên nào dẫn đến cuộc khỡi nghĩa Hai Bà Trưng?

Câu 2. *(1,0đ)* Trong cách tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền có những nét gì độc đáo?

Câu 3. *(1,0đ)* Dựa vào kiến thức bài vương quốc Champa em hãy:

a.Vương quốc Champa được thành lập như thế nào?

b. Công trình kiến trúc nào của Chăm–pa được UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới? Em biết gì về công trình kiến trúc này?

**Phân môn Địa lí**

**A. TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm)**

**Câu 1 (0.25đ). Khí quyển gồm mấy tầng?**

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 2 (0.25đ). Trên Trái Đất có những khối khí nào sau đây?**

A. Khối khí nóng, khối khí lạnh, khối khí lục địa

B. Khối khí nóng, khối khí lạnh, khối khí đại dương

C. Khối khí nóng, khối khí đại dương, khối khí lục địa

D. Khối khí nóng, khối khí lạnh, khối khí lục địa, khối khí đại dương

**Câu 3 (0.25đ). Thành phần chiếm tỉ lệ lớn nhất của thuỷ quyển là:**

A. Nước ngầm B. Nước ngọt C. Băng D. Nước mặn

**Câu 4(0.25đ). Biển nào có độ mặn cao nhất thế giới?**

A. Hắc hải B. Hồng hải C. Biển Đông D. Biển A-Rap

**Câu 5 (0.25đ). Đất gồm những thành phần chính nào?**

A. Các hạt khoáng, mùn B. Thành phần khoáng, chất hữu cơ, không khí, nước

C. Thành phần khoáng, chất hữu cơ, không khí, mùn D. Chất hữu cơ, không khí, mùn, nước

**Câu 6 (0.25đ). Trên thế giới có những nhóm đất phổ biến nào?**

A. Đất đen thảo nguyên ôn đới, đất mùn núi cao, đất phù sa

B. Đất Pốt dôn, đất đen thảo nguyên ôn đới, đất đỏ vàng nhiệt đới

C. Đất feralit, đất đen thảo nguyên ôn đới, đất đỏ vàng nhiệt đới

D. Đất đen thảo nguyên ôn đới, đất mùn núi cao, đất đỏ vàng nhiệt đới

**Câu 7 (0.25đ). Trên thế giới, dân cư thường tập trung đông đúc ở:**

A. Vùng núi cao B. Các trục giao thông

C. Hoang mạc, hải đảo D. Đồng bằng, ven biển

**Câu 8 (0.25đ). Các thành phố đông dân nhất trên thế giới tập trung ở châu lục nào?**

A. Châu Phi B. Châu Á C. Châu Âu D. Châu Mĩ

**B. TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1 (1.5đ)**. Em hãy nêu mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với nguồn cung cấp nước sông.

**Câu 2 (1.0đ)**. Em lấy ví dụ minh hoạ về sự đa dạng của sinh vật ở trên lục địa.

**Câu 3 (0.5đ)**. Trình bày những tác động chủ yếu của loài người lên thiên nhiên Trái Đất.

**d) Đáp án và hướng dẫn chấm**

**Phần Lịch sử**

**A. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| Đáp án | A | B | A | A | B | A | B | A |

**B. TỰ LUẬN (3 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | **Nguyên nhân:** + Chống lại sách cai trị hà khắc của chính quyền đô hộ phương Bắc khôi phục lại nền độc lập, tự chủ đã được thiết lập từ thời Hùng Vương dựng nước. + Trả thù cho chồng mình là Thi Sách.  | 0,50,5 |
| **2** | **Trong cách tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền có những nét độc đáo:**- Chủ động bố trí trận địa bãi cọc ngầm trên sông Bạch Đằng, lợi dụng thuỷ triều lên xuống để đánh giặc- Khiêu chiến, nhử địch vào trận địa mai phục | 0,50,5 |
| **3** | **a. Vương quốc Champa được thành lập.** Năm 192, nhân dân huyện Tượng Lâm (quận Nhật Nam) đã nổi dậy lật đổ ách thống trị của nhà Hán, giành độc lập, lập nước Lâm Ấp (sau gọi là Chăm-pa).**b.- Công trình kiến trúc của Chăm–pa được UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới**: Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam)**- Cảm nhận:** **Gợi ý:**  + Là trung tâm văn hoá tín ngưỡng của triều đại Chăm-pa + Là nơi chôn cất các vị vua, hoàng thân quốc thích.. + Kiến trúc đền tháp độc đáo… | 0,50,250,25 |

**Phần Địa lí**

**A. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| Đáp án | C | D | D | A | B | B | D | B |

**B. TỰ LUẬN (3 điểm)**

**2. Tự luận:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | **Mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với nguồn cung cấp nước sông:**- Vào mùa lũ, mực nước trong lòng sông dâng cao- Những sông có nguồn cung cấp nước chủ yếu từ nước mưa thì mùa lũ trùng với mùa mưa- Những sông có nguồn cung cấp nước chủ yếu là tuyết tan thì mùa lũ trùng với mùa xuân- Còn những sông có nguồn cung cấp nước chủ yếu là băng tan thì mùa lũ vào đầu mùa xuân | **0.25****0.5****0.5****0.25** |
| **2** | **Ví dụ minh hoạ về sự đa dạng của sinh vật ở trên lục địa:****Gợi ý:** - Thực vật:  + Đới nóng: rừng mưa nhiệt đới, rừng nhiệt đới gió mùa, xa van, hoang mạc + Đới ôn hoà: rừng lá rộng, rừng lá kim, thảo nguyên, rừng cận nhiệt đới + Đới lạnh: thảm thực vật đài nguyên - Động vật:  + Trong rừng mưa nhiệt đới có nhiều loài leo trèo giỏi: khỉ, vượn; nhiều côn trùng, chim.. + Ở xa van và thảo nguyên có nhiều loài ăn cỏ: ngựa, linh dương…; động vật ăn thịt: sư tử, hổ… + Đới lạnh: gấu trắng, cá voi, chim cánh cụt… + Sa mạc: các loài rắn, lạc đà,… | **1.0** |
| **3** | **Tác động chủ yếu của loài người lên thiên nhiên Trái Đất:**\*Tích cực: phủ xanh đất trống đồi núi trọc, bảo tồn đa dạng sinh học, cải tạo đất xấu, hoang hoá, bảo vệ rừng\*Tiêu cực: Khai thác tài nguyên bừa bãi, sử dụng thuốc sâu, phân bón hoá học gây ô nhiễm môi trường, chặt phá rừng. | **0.25****0.25** |